

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẠC THỦY
TỈNH HÒA BÌNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2024/HNGĐ-ST.

Ngày: 17/01/2024

V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠC THỦY, TỈNH HÒA BÌNH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông: Thái Hùng Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Hữu Thành.

Ông Lê Đức Ty.

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Ông Nguyễn Quốc Dương - Thư ký viên chính Tòa án nhân dân huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình tham gia phiên tòa:* Bà Bùi Thị Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 82/2023/TLST- HNGĐ ngày 16/10/2023, về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/12/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 09/2023/QĐST - HNGĐ ngày 27/12/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị TTH, sinh năm 1996, vắng mặt.

Bị đơn: Anh VVT, sinh năm 1996, vắng mặt.

Đều trú tại: Thôn LH 1, xã KD, huyện LT, tỉnh Hòa Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 09/10/2023, bản tự khai và tại phiên tòa hôm nay, chị TTH trình bày:

- **Về hôn nhân:** Tôi và anh VVT kết hôn ngày 24/12/2019, có đăng ký kết hôn tại UBND xã KD, huyện LT, tỉnh Hòa Bình. Trước khi kết hôn chúng tôi được tự do tìm hiểu đi đến kết hôn, sau khi cưới xong vợ chồng về chung sống cùng với bố mẹ đẻ bên chồng. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng có hạnh phúc, sau đó thì nảy sinh mâu thuẫn, cuối năm 2022 thì mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do trong cuộc sống chung tính cách vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm, anh VVT không có sự quan tâm gì đến vợ con. Tôi đã sống ly thân từ cuối năm 2022

cho đến nay và xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung vợ chồng không còn tồn tại, đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn anh VVT.

- **Về con chung:** Có 01 con chung là VBK, sinh ngày 13/5/2020, chị TTH có nguyện vọng được quyền nuôi con chung, chưa yêu cầu anh VVT phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- **Về tài sản chung, công nợ chung:** Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Đối với bị đơn anh VVT: Đã được Tòa án nhân dân huyện Lạc Thủy triệu tập hợp lệ đến Tòa án để giải quyết vụ án nhưng anh VVT vẫn không có mặt tại Tòa án, do đó Tòa án không ghi được lời khai và vụ án không tiến hành hòa giải được. Tuy nhiên, Tòa án đã tiến hành niêm yết các thủ tục tố tụng cũng như quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng anh VVT vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do.

Quá trình điều tra xác minh nguyên nhân phát sinh tranh chấp, mâu thuẫn vợ chồng tại gia đình bên chồng nơi chị TTH, anh VVT sinh sống thể hiện: Vợ chồng chị TTH và anh VVT nói qua nói lại rồi chửi bới, cãi vã nhau do anh VVT hay chơi bời, rượu chè không tu trí làm ăn, không có sự quan tâm đến vợ con. Hiện tại chị TTH, anh VVT đã sống ly thân. Anh VVT đi làm, thỉnh thoảng có liên hệ với gia đình, không khai báo gì đang làm gì, ở đâu.

*** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa:**

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX) trong quá trình thụ lý giải quyết vụ kiện và tại phiên tòa hôm nay đã thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ, tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS).

Về chấp hành pháp luật của nguyên đơn và bị đơn:

Đối với nguyên đơn: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chấp hành tốt các quy định tại các Điều 70, điều 71 của BLTTDS. Đối với bị đơn: Anh VVT mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, như vậy anh VVT đã từ bỏ quyền của mình quy định tại các Điều 70, 72 của BLTTDS. Tòa án tổng đạt và niêm yết giấy triệu tập hợp lệ theo đúng quy định tại Điều 177; Điều 179 BLTTDS. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Nên vụ án được xét xử theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228; khoản 2 Điều 229 BLTTDS.

Nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị TTH và anh VVT mâu thuẫn đã lâu, không còn quan tâm đến nhau, mục đích của hôn nhân không đạt được; đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình (HN&GD) năm 2014, chấp nhận đơn xin ly hôn và giải quyết cho chị TTH được ly hôn với anh VVT.

- Về con chung: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 81, 82, 83 của Luật HN&GD giao con chung cháu VBK cho chị TTH trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Chị TTH chưa yêu cầu anh VVT cấp dưỡng nuôi con nên không đề nghị HĐXX giải quyết.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Chị TTH khai không có, không yêu cầu giải quyết; trong quá trình giải quyết vụ án anh VVT cố tình không đến nên đề nghị Tòa án không giải quyết.

- Về án phí: Đề nghị HĐXX tuyên theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; HĐXX nhận định:

[1]. Về thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án: Tranh chấp trong vụ án là tranh chấp về hôn nhân. Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại Thôn LH 1, xã KD, huyện LT, tỉnh Hòa Bình nên Tòa án nhân dân huyện Lạc Thủy thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[2]. Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Nguyên đơn là chị TTH có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh VVT đã được triệu tập hợp lệ để ghi lời khai, trình bày ý kiến, tham gia phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không có mặt theo giấy triệu tập. Tòa án đã xác minh tại gia đình và nơi cư trú của anh VVT, tiến hành tổng đạt và niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng anh VVT vắng mặt không có lý do. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh VVT theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 khoản 3 Điều 228 của BLTTDS là phù hợp.

[3]. Về nội dung vụ án:

*** Về quan hệ hôn nhân:** Chị TTH và anh VVT kết hôn năm 2019, có đăng ký kết hôn tại UBND xã KD, huyện LT, tỉnh Hòa Bình. Quan hệ hôn nhân giữa chị TTH và anh VVT là tự nguyện, hợp pháp. Trong thời gian chung sống, thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc, nhưng từ năm 2022 mâu thuẫn vợ chồng bắt đầu nảy sinh. Nguyên nhân do anh VVT không tu chí làm ăn và không quan tâm gì đến vợ con, chị TTH và anh VVT không còn chăm sóc nhau nữa. Xét thấy cuộc sống chung giữa chị TTH và anh VVT không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị TTH có nguyện vọng xin được ly hôn để ổn định cuộc sống là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

*** Về con chung:** Chị TTH và anh VVT có 01 con chung là cháu VBK, sinh ngày 13/5/2020. Chị TTH vẫn là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con

chung, nay ly hôn, chị TTH có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, chưa yêu cầu anh VVT phải cấp dưỡng; Cháu VBK còn nhỏ do vậy nên giao cho chị TTH trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu VBK cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

*** Về tài sản chung, công nợ chung:** Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xét.

[4]. Về án phí: Chị TTH phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 5 Điều 177; Điều 179; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 BLTTDS;

Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, xử cho chị TTH được ly hôn với anh VVT.

2. Về con chung: Giao con chung VBK, sinh ngày 13/5/2020 cho chị TTH trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu VBK đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Anh VVT được quyền thăm nom con chung theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị TTH chưa yêu cầu anh VVT cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Chị TTH phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001853 ngày 16/10/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lạc Thủy.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn; Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện Lạc Thủy;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Lạc Thủy;
- Các đương sự;
- UBND xã KD;
- Lưu HS vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Thái Hùng Dũng

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Thái Hùng Dũng